

Số: 312/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 23 tháng 11 năm 2025

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục  
Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai  
của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

## HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-KĐCLV ngày 09/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-KĐCLV ngày 03/11/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh phiên thứ 23 ngày 22 - 23/11/2025;

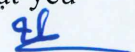
Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XXIII ngày 22/11/2025 của Hội đồng.

## QUYẾT NGHỊ

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 27 đến ngày 29 tháng 10 năm 2025 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh của Đoàn đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu



cầu” từ mức 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

3. Kiến nghị Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  
**TẠI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 312/NQ-HĐKĐCLV ngày 23/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)*

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Mức<br>đánh giá<br>tiêu chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Mức<br>đánh giá<br>tiêu chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         |                             | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |                         |                             | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt (%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     | <b>3.67</b>                 | 3.67                        | 2                  | 67                              | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     | <b>4.00</b>                 | 4.00                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 1.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.1            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.2            | 3                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.2            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.3            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.3            | 4                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     | <b>3.67</b>                 | 3.67                        | 2                  | 67                              | Tiêu chí 7.4            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.5            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.2            | 3                           |                             |                    |                                 | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     | <b>4.00</b>                 | 4.00                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 2.3            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.1            | 4                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     | <b>3.67</b>                 | 3.67                        | 2                  | 67                              | Tiêu chí 8.2            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.3            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.2            | 3                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.4            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.3            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.5            | 4                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     | <b>4.00</b>                 | 4.00                        | 3                  | 100                             | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     | <b>3.80</b>                 | 3.80                        | 4                  | 80                              |
| Tiêu chí 4.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.1            | 3                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.2            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.2            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.3            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.3            | 4                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     | <b>3.80</b>                 | 3.80                        | 4                  | 80                              | Tiêu chí 9.4            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.1            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.5            | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.2            | 4                           |                             |                    |                                 | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    | <b>4.00</b>                 | 4.00                        | 5                  | 83                              |
| Tiêu chí 5.3            | 3                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.1           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.4            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.2           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.5            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.3           | 3                           |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     | <b>4.00</b>                 | Tiêu chí 10.4               | 5                  |                                 |                         |                             |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.1            | 4                           | Tiêu chí 10.5               | 4                  |                                 |                         |                             |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.2            | 4                           | Tiêu chí 10.6               | 4                  |                                 |                         |                             |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.3            | 4                           | 4.00                        | 7                  | 100                             | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    | <b>4.00</b>                 | 4.00                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 6.4            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.1           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.5            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.2           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.6            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.3           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.7            | 4                           |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.4           | 4                           |                             |                    |                                 |
|                         |                             |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.5           | 4                           |                             |                    |                                 |
| Mức trung bình          |                             |                             |                    |                                 | Số tiêu chí đạt         |                             |                             |                    |                                 |
| 3.90                    |                             |                             |                    |                                 | 44                      |                             | 88                          |                    |                                 |

*21*

## Phụ lục II

### CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Nghị quyết số: 312/NQ-HĐKĐCLV ngày 23/11/2025 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản lý đất đai (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2020-2025, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu của CTĐT được xác định phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường, phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT rõ ràng, đáp ứng cơ bản các mục tiêu đề ra, phản ánh nhu cầu của các bên liên quan. Bản mô tả có cấu trúc hợp lý với đầy đủ thông tin và cập nhật định kỳ quy định. Đề cương chi tiết học phần có các thông tin tương đối đầy đủ; được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo kế hoạch. Chương trình dạy học theo định hướng ứng dụng đã được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, với tổng số tín chỉ toàn khóa đáp ứng quy định và phù hợp để đạt được các chuẩn đầu ra; có cấu trúc khoa học, đảm bảo sự gắn kết liên mạch giữa các khối kiến thức chung, khối kiến thức chuyên ngành, thực tập và khối kiến thức tốt nghiệp; được thiết kế linh hoạt với nhiều học phần tự chọn để đáp ứng yêu cầu định hướng chuyên sâu của người học. Hoạt động giảng dạy được thiết kế và thực hiện đa dạng và phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, nghỉ hưu thực hiện đúng quy định; chính sách hỗ trợ học tập, kéo dài công tác cho giảng viên có học hàm, học vị cao phát huy hiệu quả. Người học được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển trong môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi, đảm bảo an toàn. Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được Nhà trường áp dụng trực tiếp vào giảng dạy và đào tạo.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm khuyến nghị đề xuất sau đây:

(1). Nhà trường và Khoa cần rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình theo hướng thể hiện rõ đặc trưng bậc 7 của Khung trình độ quốc gia về mức tự chủ và trách nhiệm, đồng thời làm nổi bật định hướng phục vụ ngành tài nguyên và môi trường và đáp ứng nhu cầu phát triển khu vực phía Nam. Các phát biểu chuẩn đầu ra cần được cụ thể hóa theo Bloom/SMART, gắn với ngữ cảnh nghề nghiệp, bổ sung chỉ báo đánh giá và minh chứng đầu ra ở cấp chương trình.



## 2. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

(2). Nhà trường, Khoa và Bộ môn cần rà soát và hoàn thiện bảng ma trận mục tiêu - chuẩn đầu ra nhằm bảo đảm tính phân hóa, đo lường được và phản ánh đúng đặc trưng bậc 7; đồng thời tăng cường đối sánh chương trình trên phương diện nội dung, năng lực và định hướng nghề nghiệp để phục vụ cải tiến chất lượng. Chương trình cần được bổ sung đầy đủ đề cương chi tiết các học phần còn thiếu, điều chỉnh thời lượng học tập hợp lý, chuẩn hóa mức độ tương thích giữa chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT, đồng thời tăng cường tính tích hợp, thực hành và cập nhật công nghệ theo yêu cầu thực tiễn.

(3). Nhà trường và Khoa cần rà soát, hoàn thiện cấu trúc chương trình dạy học theo hướng thiết lập lộ trình phát triển năng lực rõ ràng, tăng dần về mức độ học thuật và kỹ năng từ nền tảng đến nâng cao, phù hợp đặc trưng bậc 7. Cần chuẩn hóa ma trận chuẩn đầu ra theo hướng lượng hóa mức đóng góp cụ thể của từng học phần, giới hạn số lượng chuẩn đầu ra mỗi học phần đảm nhận, xác định học phần chủ lực cho từng ELO và thiết lập ngưỡng bao phủ tối thiểu đối với khối tự chọn để đảm bảo kết quả đầu ra tương đương giữa các lộ trình học tập. Danh mục học phần tự chọn cần được tổ chức theo các tuyến chuyên sâu gắn với định hướng nghề nghiệp.

(4). Nhà trường và Khoa cần rà soát toàn bộ đề cương chi tiết học phần nhằm chuẩn hóa và chi tiết hóa các hoạt động dạy và học, đặc biệt là nội dung thực hành, thực tập, đảm bảo gắn kết chặt chẽ với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT. Thời lượng tự học cần được bố trí phù hợp với quy định hiện hành, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và khuyến khích học tập suốt đời, trong đó chú trọng phát triển kỹ năng nghề nghiệp thực tiễn, kỹ năng phân tích pháp lý, kỹ năng sử dụng thiết bị chuyên ngành và năng lực giao tiếp – thích ứng trong môi trường làm việc.

(5). Khoa, Bộ môn cần đa dạng hóa các hình thức thi cuối kì; cần rà soát sự tương thích giữa câu hỏi thi và chuẩn đầu ra học phần để đảm bảo đánh giá đúng năng lực của người học. Đề cương chi tiết học phần cần xây dựng hệ thống rubric kiểm tra đánh giá cho từng nội dung nhằm đạt được chuẩn đầu ra. Cần ban hành quy định về phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả tự học của người học; quy định về triển khai thực hiện việc đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra CTĐT của người học trước khi tốt nghiệp. Tiếp tục xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cuối kì cho tất cả các học phần thi tự luận và xây dựng ma trận đề thi để đảm bảo tính công bằng và tin cậy.

(6). Nhà trường cần cụ thể hóa quy hoạch nhân lực, tăng chính sách thu hút, bồi dưỡng giảng viên trẻ và phát triển học hàm. Hoàn thiện cơ chế đánh giá theo hiệu quả đầu ra, khuyến khích công bố khoa học, tăng phản hồi và giám sát chéo. Cập nhật khung năng lực theo chuyển đổi số, áp dụng đánh giá đa chiều, gắn kết quả với quy hoạch, bồi dưỡng và học hàm. Thiết lập cơ chế rà soát, cập nhật nhu cầu hằng năm, đa dạng hình thức bồi dưỡng (trực tuyến, hội thảo, doanh nghiệp), gắn với khung năng lực và lộ trình phát triển đội ngũ. Hoàn thiện hệ thống KPIs, cá nhân hóa kế hoạch công tác, xây dựng nền tảng quản lý trực tuyến và mở rộng cơ chế khen thưởng.



2

(7). Nhà trường cần khảo sát chuyên sâu, có tính đặc thù trong việc hỗ trợ trực tiếp cho các CTĐT bậc sau đại học; rà soát Bộ phiếu khảo sát, bổ sung các tiêu chí định lượng sát hợp với Bản mô tả công việc và Khung năng lực của nhân viên. Điều chỉnh cơ chế, chính sách để thu hút, giữ chân nhân viên có phẩm chất, năng lực tốt và phù hợp với vị trí việc làm. Tăng cường đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn gắn kết với vị trí việc làm; có chế tài đi đôi với sự hỗ trợ tài chính đủ mạnh nhằm động viên, khuyến khích nhân viên tham gia đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ.

(8). Nhà trường, Viện, Khoa cần thực hiện thường xuyên hàng năm về phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của ngành; tiến hành so sánh, đánh giá về chất lượng đầu vào của người học tuyển sinh hàng năm. Mở rộng đối tượng khảo sát và cải tiến phiếu khảo sát nhằm thu thập được nhiều thông tin hữu ích từ các bên liên quan; định kì đánh giá hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ người học; sớm ban hành “Sổ tay học viên cao học”.

(9). Nhà trường cần tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị cho các phòng chức năng ở cơ sở 1 để đảm bảo chất lượng dạy học. Cần mở rộng diện tích thư viện, thiết kế, bày trí không gian thư viện xanh sạch đẹp, tạo điều kiện thoải mái cho người học. Nâng cấp phần mềm quản lí thư viện; xây dựng, quy hoạch lại hệ thống phần mềm, trong đó cần xây dựng phần mềm quản lý tổng thể để quản trị tính liên thông trong tổ chức đào tạo đảm bảo thông suốt ở các khâu, các đơn vị; xây dựng hệ thống quản lý dạy học (LMS) và biên soạn bài giảng E-learning để đưa vào tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập và giảng dạy của Trường.

(10). Nhà trường cần xây dựng hệ thống thông tin quản lí để quản lí dữ liệu, thông tin phản hồi từ các bên liên quan về các mặt của Trường làm cơ sở để đánh giá, so sánh và có kế hoạch, lộ trình cải tiến phù hợp. Rà soát, đảm bảo sự tương thích kiến tạo giữa chuẩn đầu ra - nội dung dạy học - phương pháp dạy học - kiểm tra đánh giá. Ban hành quy định/hướng dẫn cụ thể về cách thức đo lường chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra CTĐT trình độ thạc sĩ theo quy định; xây dựng bộ tiêu chí cụ thể, có các KPIs rõ ràng làm công cụ để đánh giá chất lượng cho từng dịch vụ hỗ trợ. Cần rà soát, đánh giá và cải tiến cơ chế đảm bảo chất lượng cấp CTĐT.

(11). Nhà trường và Khoa cần nâng cao chất lượng đối sánh, phân tích và đánh giá tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp làm cơ sở cho các giải pháp hiệu quả giảm tỉ lệ học viên thôi học và tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng và trước hạn, tiếp tục hỗ trợ học viên trong thực hiện luận văn tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định. Cần có chính sách đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên, phần đầu chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của người học đạt mức 3% tổng thu học phí theo quy định tại Nghị định 99 của Chính phủ. Mặt khác, cần tiếp tục cải tiến hoạt động khảo sát phản hồi các bên liên quan để kết quả khảo sát đóng góp hiệu quả vào việc cải tiến chất lượng chương trình đào tạo.

\* \* \*



*u*

Trên đây là những nhóm khuyến nghị tổng hợp, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh theo quy định.

u

